

# TÓM LƯỢC GIÁO DỤC HOA KỲ

Ấn phẩm của Chương trình Thông tin Quốc tế,  
Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 9/2008



**USA Education in Brief**



## NỘI DUNG

Giới thiệu	4
Cơ cấu nền giáo dục Hoa Kỳ	6
Sự lớn mạnh của hệ thống trường công lập	12
Giáo dục cho tất cả mọi người	16
Phấn đấu vì sự ưu việt trong giáo dục	22
Những thách thức trong cải cách trường học	26
Diện mạo đang thay đổi của giáo dục đại học	32
Giáo dục dân chủ	37

*Nội dung tiếng Anh của ấn phẩm này có trên Internet tại địa chỉ:*  
<http://www.america.gov/publications/books/education-in-brief.html>

## GIỚI THIỆU

Tất cả mọi xã hội đều phải giải quyết các vấn đề cơ bản liên quan tới bản chất và mục đích của hệ thống giáo dục của họ, song Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên trên thế giới giải quyết các vấn đề đó trên cơ sở một nền dân chủ.

Ngay từ rất sớm người Mỹ đã hiểu rằng tương lai của họ – những người tự do – phụ thuộc vào trí tuệ và sự thông thái của chính họ, chứ không phải của kẻ thống trị nào đó ở xứ sở xa xôi. Vì lẽ đó, chất lượng, đặc điểm và chi phí giáo dục vẫn là những mối bận tâm hàng đầu của Hoa Kỳ kể từ ngày lập quốc.

Các cơ sở giáo dục thuộc tất cả mọi chủng loại và quy mô, từ các trường mẫu giáo tới các viện nghiên cứu cao cấp, xuất hiện ở khắp nơi trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Người ta nhận xét rằng các trường công lập là cơ quan chính phủ được người dân biết đến nhiều nhất ở đất nước này. Cho dù ở địa phương giàu có hay nghèo khó, ở nông thôn hay thành thị, các trường công là đặc điểm chung nhất khắp mọi nơi trên nước Mỹ.



*Các học sinh giỏi quốc tế ở tiểu bang Washington đang trả lời câu hỏi về khoa học. (Elizabeth Armstrong/The Herald/AP Images)*

Kể từ khi bắt đầu cách đây hai thế kỷ cho đến ngày nay, các trường tư và công ở Hoa Kỳ đã tạo nên bản sắc của nước Mỹ. Tất cả mọi sự kiện làm nên bản sắc Mỹ ngày nay đều bắt nguồn từ các lớp học: chủng tộc và sự đối xử với các nhóm thiểu số, sự di cư và sự phát triển của các thành phố, mở rộng lãnh thổ sang phía Tây và tăng trưởng kinh tế, quyền tự do cá nhân và tính chất của các cộng đồng.

Những câu hỏi căn bản về mục đích và phương pháp giáo dục đã trở thành các vấn đề quan trọng trong các cuộc tranh luận tại Hoa Kỳ, từ phong trào "trường công lập" giữa thế kỷ 19 tới các cuộc tranh luận về tiêu chuẩn học thuật và thi cử hiện nay.

Liệu các trường có nên nhấn mạnh tới các kỹ năng cơ bản – đọc hiểu, viết và toán – hay mở rộng kiến thức trong lĩnh vực lịch sử, văn chương và các môn khoa học? Làm thế nào các trường có thể

đảm bảo tiếp cận bình đẳng cho tất cả mọi người mà vẫn đảm bảo được các tiêu chuẩn đào tạo có chất lượng? Ai sẽ cung cấp nguồn tài chính cho các trường học – phụ huynh hay cả xã hội? Liệu các trường học có nên chú trọng đến các kỹ năng thực tế mang tính hướng nghiệp, hay là trang bị tất cả các môn học cần thiết để các em có thể thành công ở bậc đại học? Làm thế nào các giáo viên có thể truyền đạt những giá trị đạo đức và tinh thần cho tất cả các học sinh có nguồn gốc văn hóa, tôn giáo và dân tộc khác nhau? Nên sử dụng các tiêu chí nào để tuyển chọn học sinh phổ thông vào các trường đại học danh tiếng?

Không dễ có thể trả lời tất cả những câu hỏi như vậy, và trên thực tế, các trường học ở Hoa Kỳ đã giải đáp các câu hỏi đó rất khác nhau ở mỗi thời kỳ khác nhau trong lịch sử dân tộc. Ngày nay – cũng tương tự như trong quá khứ – giáo dục vẫn là một chủ đề được tranh luận sôi nổi, thay đổi nhanh chóng và bảo tồn những giá trị ở quốc gia này.

# CƠ CẤU NỀN GIÁO DỤC HOA KỲ

Đối với người nước ngoài, hệ thống giáo dục Hoa Kỳ dường như rất đa dạng, có quy mô lớn và thậm chí là hỗn loạn. Mặc dù phức tạp như vậy, song giáo dục Hoa Kỳ lại phản ánh lịch sử, văn hóa và những giá trị của một quốc gia luôn chuyển mình. Xét một cách khái quát, đặc trưng của hệ thống giáo dục Hoa Kỳ thể hiện ở quy mô lớn, cơ cấu tổ chức, sự phân quyền rõ rệt và tính đa dạng ngày càng lớn ngay trong hệ thống này.



*Các học viên tiến hành thí nghiệm thủy lực trong lớp học nghề. (© Dennis MacDonald/PhotoEdit)*

## Quy mô

Các trường học ở Hoa Kỳ – công lập và tư thục, tiểu học và trung học, đại học công lập và tư thục – xuất hiện ở tất cả mọi nơi, đồng thời Hoa Kỳ tiếp tục điều hành một trong những hệ thống giáo dục phổ cập lớn nhất thế giới. Theo Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, trong niên khóa 2005–2006 đã có trên 75 triệu trẻ em và người lớn đã đi học ở các trường phổ thông và đại học ở Hoa Kỳ. Ngoài ra, còn có 6,8 triệu giáo viên được tuyển dụng, giảng dạy từ cấp mẫu giáo tới đại học.

Hơn nữa, có trên một triệu trẻ em từ các gia đình có thu nhập thấp, từ ba đến bốn tuổi, đã được hưởng phúc lợi từ chương trình hỗ trợ giáo dục nhằm thực hiện các chương trình giáo dục, phát triển xã hội và dinh dưỡng để đảm bảo cho tất cả các trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo này có đủ điều kiện đi học khi lên năm hoặc sáu tuổi.

Tỷ lệ học sinh theo học tại các trường công đã tăng lên nhanh chóng trong giai đoạn sau chiến tranh Thế giới Thứ hai (thế hệ sinh sau chiến tranh từ năm 1946–1964). Theo báo cáo mới nhất của Cục Điều tra Dân số Hoa Kỳ, sau khi tụt giảm trong thập niên 1980, tỷ lệ học sinh đến trường đã phục hồi mạnh mẽ, phần lớn là do dân số tăng mạnh trong cộng đồng gốc Mỹ La-tinh.

Hệ thống giáo dục Hoa Kỳ hiện có khoảng 96.000 trường tiểu học và trung học công lập, cộng thêm hơn 4.200 trường đại học và cao đẳng, từ các trường cao đẳng quy mô nhỏ đào tạo hai năm đến các trường đại học quy mô khổng lồ với các chương trình đào tạo đại học và sau đại học có trên 30.000 sinh viên.

Tổng chi tiêu cho giáo dục của Hoa Kỳ mỗi năm đạt xấp xỉ 878 tỷ đô-la.

### **Cơ cấu tổ chức giáo dục phổ thông**

Ở hầu hết các tiểu bang, trẻ em cho đến khi 16 tuổi bắt buộc phải tới trường. Nhìn chung, trẻ em thường bắt đầu đi học ở nhà trẻ từ khi lên năm tuổi và tiếp tục học hết trung học (lớp 12) đến 18 tuổi. Thông thường, bậc tiểu học bắt đầu từ lớp mẫu giáo đến lớp năm hoặc lớp sáu, và ở một số trường đến tận lớp tám. Các trường trung học thường bắt đầu từ lớp 9 đến lớp 12.



*Các cháu mẫu giáo nghe kể chuyện trong lớp học được hưởng lợi từ chương trình hỗ trợ Head Start (sự khởi đầu thuận lợi). (© Paul Conklin/PhotoEdit)*

Cách đây 50 năm, học sinh tiểu học thường được chuyển ngay lên cấp trung học, hoặc học lớp 7 và 8 hoặc lớp 7, 8 và 9 ở bậc trung học cơ sở. Tuy nhiên, trong 30 năm qua, đa số các trường trung học cơ sở được thay thế bằng các trường chuyển cấp dành cho lớp 6 đến lớp 8. Theo ước tính hiện có khoảng 20 triệu trẻ em từ 10 đến 15 tuổi đang theo học ở các trường chuyển cấp (trung học cơ sở).

Ông Mark Ziebarth, Hiệu trưởng trường Minnesota, đã chỉ rõ sự khác biệt về hai cách tiếp cận này: "Chương trình trung học cơ sở được thiết kế theo chương trình trung học phổ thông truyền thống cho học sinh ngay từ khi còn nhỏ. Chương trình này có lịch trình tương tự như của trường trung học và các lớp được tổ chức theo khoa. Các trường chuyển cấp nhằm tạo diễn đàn để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của tuổi vị thành niên".

Dạy học theo nhóm và xếp lịch linh hoạt chứ không theo các tiết học cố định kéo dài 45 hoặc 50 phút là đặc trưng của các trường chuyển cấp. Các trường này cũng chú trọng tới các nhóm nhỏ, cách tiếp cận tổng hợp các môn học trước một chủ đề nào đó và các bài tập nhóm đặc biệt thu hút sự tham gia của học sinh từ 10 đến 15 tuổi. Hiệp hội các trường chuyển cấp quốc gia cho rằng: "các học sinh chuyển cấp đang trải qua những thay đổi về trí tuệ và phát triển nhanh nhất trong cuộc đời của mình".

Các trường trung học hiện nay với danh mục các môn học bắt buộc và tự chọn phong phú cho học sinh từ 14 đến 18 tuổi đã trở thành yếu tố thường trực trong hệ thống giáo dục Hoa Kỳ từ giữa thế kỷ 20. Các học sinh trung học có thể lựa chọn từ vô số câu lạc bộ, hoạt động, điền kinh, thực hành và các hoạt động ngoại khóa khác. Căn cứ vào xếp loại và kết quả thi, học sinh có thể học các môn chuyên sâu hoặc các môn học mang tính chất khái quát hoặc hướng nghiệp.

Gần như trong suốt thế kỷ 20, các trường trung học đã được củng cố thành những cơ sở đào tạo có quy mô lớn hơn, đem lại nhiều sự lựa chọn hơn cho đông đảo học sinh. Trường học quy mô nhỏ ở nông thôn gần như đã biến mất và được thay thế bằng các trường trung học có quy mô toàn hạt. Ở thành phố, các trường học lớn có tới 5000 học sinh theo học để vào đại học hoặc hướng nghiệp cũng đã trở nên phổ biến và thu hút gần như tất cả mọi người tham gia.



*Những người học tiếng Anh ở một trường chuyển cấp ở Đảo Grand Island, Nebraska.  
(© Paul Conklin/PhotoEdit)*

Gần đây, mối quan ngại về chất lượng giáo dục ở những trường có quy mô lớn như vậy đã khiến người ta kêu gọi thành lập các trường nhỏ hơn với tỷ lệ học sinh-giáo viên thấp hơn.

Các trường trung học đương đại ở Hoa Kỳ vốn từ lâu đã chiếm vị trí chủ đạo trong văn hóa đại chúng. Bộ phim ca nhạc được yêu thích *Grease*, sê-ri phim truyền hình *Những tháng ngày hạnh phúc* (Happy Days) và những bộ phim như *Bảng đen nơi rừng sâu* (Blackboard Jungle) đã dựng lên bức tranh với cả những mảng sáng và mảng tối



trong các trường học thập niên 1950. Những tiết mục giải trí đại chúng gần đây đặt trong bối cảnh các trường trung học gồm có những bộ phim như *Những cô gái keo kiệt* (Mean Girls), *Juno*, *Bầu cử* (Election) và *Nhạc hội trường trung học* (High School Musical) và các chương trình truyền hình thu hút đông đảo khán giả như *Beverly Hills 90210* và *Sống sót nhờ cái chuông* (Saved by the Bell).

## Các trường tư

Các trường tư đã phát triển mạnh mẽ ở Hoa Kỳ, nhiều trường trong số đó là của nhà thờ và các tổ chức tôn giáo khác. Trong tổng số ước tính 55,8 triệu học sinh tiểu học và trung học niên khóa 2007–2008, có khoảng 6 triệu, tức là 11%, theo học tại các trường tư.

Hơn một nửa số học sinh trường tư theo học tại các trường học của Thiên Chúa giáo – hệ thống trường tư lâu đời nhất ở Hoa Kỳ. Các trường tư khác cũng phản ánh sự đa dạng về tôn giáo của Hoa Kỳ, từ các giáo phái của Tin Lành tới phái Quaker, Đạo Hồi, Do Thái và các tín ngưỡng Chính thống Hy Lạp.

Tuy nhiên, các trường tư lâu đời nhất của Hoa Kỳ lại là các trường nội trú “tinh hoa”, được thành lập từ thế kỷ 18 và là cái nôi đào tạo nên nhiều nhà lãnh đạo chính trị và học giả lớn của nước Mỹ.

Theo số liệu điều tra dân số gần đây, có khoảng 1,1 triệu học sinh nữa học tại gia, do bố mẹ giảng dạy theo sự hướng dẫn của mỗi tiểu bang.

## Sự phân quyền

Có lẽ đặc điểm nổi bật nhất trong hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ là sự phân quyền. Các trường học ở Hoa Kỳ đã và đang thuộc trách nhiệm chủ yếu của tiểu bang và địa phương. Khác với hầu hết các



*Thực hành trong phòng máy tính ở một trường tiểu học ở Detroit, bang Michigan. (© Jim West/PhotoEdit)*

nước khác, Hoa Kỳ không có hệ thống quản lý giáo dục quốc gia – trừ một số ngoại lệ như các học viện quân sự và các trường học dành cho người Mỹ bản địa. Chính phủ liên bang cũng không duyệt và điều hành chương trình học quốc gia.

Nền giáo dục công chiếm tỷ lệ chi lớn nhất ở tất cả các thành phố và các hạt ở Hoa Kỳ, với tổng số ngân sách được phân bổ từ nguồn thuế tài sản tại địa phương. Các hội đồng quản trị giáo dục địa phương – chủ yếu là được bầu lên – quản lý khoảng 15.500 học khu khắp cả nước, từ các trường học nhỏ ở nông thôn ở các tiểu bang như Kansas và Nebraska tới hệ thống trường học ở Thành phố New York, nơi mỗi năm đào tạo hơn một triệu học sinh.

Hội đồng giáo dục của tiểu bang, cùng với giám đốc sở giáo dục của tiểu bang, giám sát giáo dục tại địa phương, đề ra các tiêu chuẩn với học sinh và giáo viên, thông qua chương trình học và thường xuyên rà soát việc lựa chọn sách giáo khoa. Tuy nhiên, quyền hạn chủ yếu của tiểu bang ngày càng thể hiện rõ ở góc độ tài chính: hầu hết các bang đều hỗ trợ đáng kể cho các trường để bổ sung nguồn thu từ thuế của địa phương.

Một trong những hậu quả của việc dành quyền kiểm soát cho địa phương và cấp vốn cho các trường công là tình trạng bất bình đẳng giữa các học khu nghèo khó với giàu có. Trong những năm gần đây, trước sức ép của các tòa án của tiểu bang và các nhóm vận động chính sách công, nhiều bang đã có những biện pháp để đảm bảo phân bổ vốn công bằng hơn cho các học khu, bất kể mức thu nhập ở đó như thế nào.

Chính phủ liên bang nghiên cứu và hỗ trợ để đảm bảo tiếp cận bình đẳng và chất lượng tốt nhất trong giáo dục, cùng với các chương trình tín dụng cho sinh viên và hỗ trợ các sinh viên nghèo. Tuy nhiên, trách nhiệm giáo dục chủ yếu vẫn là của bang và các doanh nghiệp tại địa phương. Theo Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, khoảng 90% chi tiêu hàng năm cho giáo dục ở tất cả các cấp bắt nguồn từ các nguồn từ nguồn vốn của tiểu bang, địa phương và tư nhân.

## **Sự đa dạng**

Các trường học ở Hoa Kỳ đã chứng kiến biết bao đợt nhập cư trong suốt quá trình lịch sử của dân tộc. Ngày nay, các trường học ở Mỹ – cũng tương tự như xã hội Mỹ nói chung – đa dạng về sắc tộc hơn

bao giờ hết. Đầu thế kỷ 20, trẻ em trong các gia đình nhập cư – chủ yếu từ Đông và Nam Âu – đã ọc đến học trong hệ thống trường công ở Đông Bắc và Trung Tây. Hiện nay, những người mới nhập cư tiếp tục làm thay đổi thành phần sắc tộc trong lực lượng học sinh mặc dù số lượng nhập cư lớn nhất hiện nay là từ Mỹ La-tinh và châu Á.

Người Mỹ gốc Phi chiếm khoảng 17% học sinh phổ thông; tuy nhiên, người gốc Mỹ La-tinh lại đang trở thành nhóm sắc tộc lớn nhất trong các trường công. Có thể dễ dàng tìm thấy những trường học, đặc biệt là ở duyên hải miền Đông và miền Tây, nơi học sinh có bố mẹ sinh ra ở nước ngoài nói tới hàng chục ngôn ngữ khác nhau, từ tiếng Ả-rập tới tiếng Việt. Do vậy, việc dạy tiếng Anh với tư cách là ngôn ngữ thứ hai vẫn là một trong những trọng trách quan trọng nhất của giáo dục.

Mặc dù có sự phân quyền và sự đa dạng, song các trường công vẫn gắn bó chặt chẽ với nhau về cách thức điều hành. Một học sinh được chuyển từ một trường ở bang California sang trường khác ở bang Pennsylvania hoặc bang Georgia chắc chắn sẽ thấy nhiều khác biệt, nhưng các môn học thì phần lớn là giống nhau cho dù Chính phủ Liên bang không áp đặt chương trình học thống nhất trên toàn quốc.

# SỰ LỚN MẠNH CỦA HỆ THỐNG TRƯỜNG CÔNG LẬP



*Đại học Ohio, một trong những đại học đầu tiên được cấp đất công, được xây dựng năm 1873. (AP Images)*

Trong thời kỳ thực dân đô hộ, các trường công không có tên tuổi mặc dù một số thuộc địa đã thành lập các “trường thu học phí” dành cho những người có đủ khả năng tài chính theo học. Harvard, trường đại học đầu tiên tại Bắc Mỹ, được thành lập năm 1636 ở Massachusetts và, cũng giống như tất cả các trường đại học thời kỳ đó, tập trung chủ yếu vào đào tạo tôn giáo và ngôn ngữ cổ điển – La-tinh và Hy Lạp.

## **Trường công**

Pháp lệnh Tây Bắc ban hành năm 1787, áp dụng với khu vực nay là các tiểu bang Ohio, Illinois, Indiana, Wisconsin và Michigan, đã quy định tất cả các thị trấn mới thành lập cứ 36 mảnh đất phải dành một mảnh để xây dựng trường công. Thông thường, những trường này chỉ là những ngôi nhà một gian đơn giản có tháp chuông màu đỏ trên nóc (do vậy thường được gọi là “ngôi trường nhỏ màu đỏ”). Năm 1820 Quốc hội cho phép thu ngân sách cho giáo dục của các tiểu bang từ việc bán đất công.

Trong nửa đầu thế kỷ 19, nhà cải cách Horace Mann của tiểu bang Massachusetts đã triển khai một chiến dịch có ảnh hưởng rất lớn kêu gọi sử dụng nguồn thu thuế của tiểu bang để cải thiện và hỗ trợ các trường công miễn phí cho tất cả trẻ em. Theo nhà văn Lawrence Cremin: “cuộc chiến ủng hộ các trường miễn phí là một cuộc chiến đầy cay đắng, và sau 25 năm đấu tranh, kết quả vẫn chưa chắc chắn”.



*Học sinh tìm thông tin để thực hành môn địa lý.  
(© Will Hart/PhotoEdit)*

Tuy nhiên, đến năm 1860, hầu hết các tiểu bang đã chấp nhận ý tưởng nêu trên, xoa dịu các cuộc biểu tình phản đối thuế cao bằng cách giao quyền kiểm soát các trường học cho các địa phương. Nguyên tắc giáo dục công miễn phí do ngân sách nhà nước tài trợ thuộc quyền kiểm soát của địa phương đã có bề dày lịch sử trong xã hội Hoa Kỳ.

### **Đất cho các trường đại học**

Đạo luật cấp đất Morrill được ban hành trong thời kỳ nội chiến ở Hoa Kỳ năm 1862 đã áp dụng cơ chế tương tự – tức là bán đất công cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp để xây dựng các trường đại học. Hiện nay, các trường công được cấp đất, trong đó có những trường đại học lớn nhất và danh tiếng nhất của các tiểu bang, đã có các chương trình đào tạo văn chương, lịch sử và chuyên ngành ở cả bậc đại học và sau đại học.

Hiện có 106 trường đại học được cấp đất như vậy.

### **Các trường học ở biên giới**

Ở vùng biên giới phía Tây, những người dân ở đây đã tìm cách xây dựng các trường học gần như ngay sau khi thành lập các thị trấn mới. Trên thực tế, Quốc hội yêu cầu các địa phương cung cấp giáo dục công miễn phí cho tất cả mọi người trước khi được xem xét

thành lập tiểu bang. Nhà sử học Kathryn Sklar trong cuốn sách mang tựa *Trường học* đã nhận xét rằng “Các trường học trở thành các công trình công cộng quan trọng thu hút người dân”.

Nhưng các trường học ở biên giới lại gặp những thách thức khác hẳn với các trường học ở đô thị, mà một trong những thách thức chủ yếu là tình trạng thiếu giáo viên trầm trọng. Catherine Beecher, em gái của nhà văn Harriet Beecher Stowe, tác giả của cuốn *Túp lều bác Tôm*, đã lãnh đạo một phong trào rất thành công nhằm đề cao vai trò của nữ giáo viên là “lực lượng khai hóa” ở miền Tây. Những người phụ nữ đó đã phải trải qua biết bao khó khăn nơi biên giới, gần như không được trang bị thứ gì ngoài niềm tin vững chắc của họ về tầm quan trọng của giáo dục và một số cuốn sách giáo khoa dành cho các trường học miền Tây, mang tên *McGuffey Readers*. Các cuốn sách giáo khoa này đã kết hợp các bài tập đọc và làm toán với các “câu chuyện về đạo đức” nhằm xây dựng nhân cách.



*Lễ nhập quốc tịch của một công dân mới tại San Jose, bang California. (Paul Sakuma/AP Images)*

### **Người nhập cư ở đô thị**

Các trường công phát triển cùng với mức độ gia tăng học sinh nhập cư, chủ yếu đến từ Châu Âu, cùng với quy mô dân số đáng kể của cộng đồng người Hoa và Nhật Bản ở bờ Tây và cộng đồng người Mexico và Mỹ La-tinh ở miền Tây Nam. Mỗi đợt nhập cư nối tiếp nhau đều đặt ra những khó khăn không chỉ từ góc độ năng lực mà cả mục tiêu và tổ chức của hệ thống giáo dục Hoa Kỳ trong bối cảnh số lượng học sinh mới nhiều chưa từng thấy.

Việc đồng hóa và giáo dục trẻ em có nguồn gốc và ngôn ngữ khác nhau ở các thành phố lớn thu hút người nhập cư – cho dù là người Ai len, Đức và Scandinavia giữa thế kỷ 19, hay Trung và Nam Âu trong những năm đỉnh điểm của phong trào nhập cư từ thập niên 1890 đến 1920 – là một thách thức trầm trọng.

Các trường học đô thị có thể là những nơi quá đông đúc và tẻ nhạt, song như được mô tả trong cuốn sách mang tựa *Trường học* của

kênh truyền hình công PBS: “Sức hấp dẫn của giáo dục lớn tới mức chỉ một ngày sau khi con tàu chạy bằng hơi nước cập bến đã có 125 em đăng ký học tại một trường ở New York”.

Tuy vậy, người ta ước tính rằng, với tình trạng lao động trẻ em không bị hạn chế, chỉ vón vẹn 50% học sinh đi học và trung bình thời gian đi học là năm năm.

Sự phát triển của các trường công trong giai đoạn này rất lớn – tăng từ 7,6 triệu học sinh năm 1870 lên tới 12,7 triệu vào cuối thế kỷ 19. Theo cuốn sách *Trường học*, Hoa Kỳ “cung cấp giáo dục cho nhiều trẻ em hơn bất kỳ quốc gia nào trên trái đất này”.

Như học giả và sử gia giáo dục Diane Ravitch đã viết trong cuốn *Trường học*: “Mức độ sẵn sàng của hệ thống trường học ở Hoa Kỳ nhằm đảm bảo giáo dục cho các học sinh nghèo thực sự rất ấn tượng; các nỗ lực đồng hóa học sinh nhập cư vào xã hội Mỹ phần lớn là thành công... Đây chính là những thành quả lâu dài trong hệ thống trường công của Hoa Kỳ”.

# GIÁO DỤC CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Đến giữa thế kỷ 20, giáo dục phổ cập từ mẫu giáo đến trung học từ lý tưởng đã trở thành hiện thực cho đông đảo người Mỹ. Nhưng tất nhiên là không phải cho tất cả mọi người, đặc biệt là các dân tộc thiểu số ở Hoa Kỳ.

## Phân biệt chủng tộc

Trong khi ngày càng có nhiều cơ hội cho mọi người trong hệ thống giáo dục công ở Hoa Kỳ thì người Mỹ gốc Phi lại là ngoại lệ lớn nhất. Trước cuộc Nội chiến (1861–1865), những người nô lệ ở miền Nam không chỉ không được tiếp cận giáo dục mà còn có thể bị phạt vì tội học đọc. Khi chế độ nô lệ tan rã, người Mỹ da đen ở miền Nam phần lớn sống cuộc sống bị phân biệt chủng tộc. Giáo dục không phải là ngoại lệ, mặc dù Ủy ban Nô lệ được giải phóng và nhiều cơ quan khác đã thành lập rất nhiều trường học nhằm đáp ứng nhu cầu “ồ ạt cố gắng đi học” như nhà giáo người da đen Booker T. Washington đã mô tả. Các trường học dành riêng cho người da trắng và da đen, theo phán quyết của Tòa án Tối cao năm 1896 với chủ trương “tách biệt nhưng bình đẳng”, đã trở thành phổ biến ở 17 tiểu bang miền Nam và vùng biên giới đến tận thế kỷ 20. Dẫu vậy, người ta ước tính tỷ lệ biết đọc biết viết trong cộng đồng người da đen sau cuộc Nội chiến đã tăng vọt từ 5% đến 70%.

Ngoài lãnh thổ miền Nam, vấn đề chủ yếu là dân số và mô hình nhà ở dẫn tới việc tách biệt học sinh da đen và học sinh da trắng trên thực tế. Khi khu vực thành thị là nơi tập trung đông đảo người Mỹ gốc Phi thì hệ thống trường học ở thành phố lại trở thành nơi quy tụ chủ yếu của người thiểu số và bao quanh đó là những trường học dành cho người da trắng ở ngoại ô.



*Trường trung học Little Rock, bang Arkansas năm 1957, một mốc son trong phong trào hòa nhập chủng tộc trong các trường ở miền Nam. (AP Images)*

## Vụ Brown kiện Hội đồng Giáo dục

Mặc dù đã đấu tranh chống phân biệt chủng tộc trong toàn bộ lịch sử dân tộc nhưng phải đến phong trào dân quyền trong thập niên 1950



và 1960 đòi hợp nhất các trường học thì người Mỹ gốc Phi mới giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó.

Năm 1950, sau nhiều năm chuẩn bị kỹ lưỡng, tổ chức dân quyền lâu đời nhất ở Hoa Kỳ, NAACP (Hiệp hội quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu) đã lựa chọn 13 phụ huynh da đen ở Topeka, bang Kansas, những người đã cố gắng đăng ký học cho con của họ tại các trường tại địa phương. NAACP đã khởi kiện khi các phụ huynh này bị từ chối. Đến khi vụ *Brown kiện Hội đồng Giáo dục* được chuyển đến Tòa án Tối cao, vụ kiện này đã được củng cố thêm bằng nhiều vụ kiện tương tự ở ba tiểu bang khác và tại Thủ đô Washington D.C.

Trong phán quyết được ủng hộ tuyệt đối năm 1954, Tòa án Tối cao tuyên bố: "Các trường học tách biệt học sinh da đen và da trắng tự nó đã thể hiện sự bất bình đẳng". Kansas và các tiểu bang khác ở biên giới đã tuân thủ bản án, nhưng miền Nam đã cưỡng lại phán quyết của Tòa thông qua chiến dịch mang tên "phản kháng ồ ạt". Chiến dịch này đã dẫn tới sự đối đầu của chính quyền tiểu bang với Chính phủ Liên bang. Việc hợp nhất trường trung học Little Rock ở bang Arkansas năm 1957 đã khiến chính quyền phải phái quân đội tới, và khi học sinh da đen James Meredith đăng ký học tại Đại học Mississippi, sự việc này đã châm ngòi cho tình trạng bạo động diễn ra ở nhiều nơi. Mãi tới nhiều năm sau khi Đạo luật Dân quyền năm 1964 và Đạo luật Quyền Bầu cử năm 1965 được ban hành dưới thời Tổng thống Lyndon Johnson thì tình trạng chống đối việc hợp nhất các trường học mới chấm dứt ở nhiều nơi ở miền Nam.

Lần đầu tiên, ngân sách liên bang phân bổ cho giáo dục công lập theo Điều I của Đạo luật Trường tiểu học và trung học ban hành năm 1965 và có tầm quan trọng không kém so với sự nghiệp đấu tranh đòi hợp nhất các trường học. Kể từ đó, Chính phủ Liên bang đã trợ cấp hàng tỷ đô-la cho các địa phương có học sinh nghèo và có hoàn cảnh khó khăn. Chỉ những



*Viện Ngôn ngữ Anh Nuevo ở Rogers, Arkansas.  
(AP Images)*

trường học chứng minh được rằng họ không phân biệt chủng tộc mới đủ điều kiện nhận ngân sách theo Điều I của Đạo luật này.

Tuy vậy, tình trạng mất cân đối về chủng tộc vẫn còn kéo dài ở nhiều trường công do mô hình khu dân cư và mức độ tập trung người thiểu số tại khu vực đô thị. Một nghiên cứu đang được trường Đại học Harvard tiến hành đã phát hiện tình trạng phân biệt chủng tộc đã gia tăng ở những tiểu bang có số lượng người dân tộc thiểu số cao, do đó đã ảnh hưởng tới nhiều học sinh nghèo gốc Mỹ La-tinh và Mỹ gốc Phi. Trái lại, người Mỹ gốc Á lại là nhóm dân tộc có nhiều khả năng được học tại những trường đa chủng tộc nhất.

Bài học có thể rút ra ở đây là mặc dù giáo dục Hoa Kỳ vẫn tuân theo các nguyên tắc bình đẳng, song cũng có lúc đã chưa thực hiện được mục tiêu này trên thực tế.

### **Sự đồng hóa và giáo dục song ngữ**

Di sản của vụ kiện *Brown* và nguyên tắc tiếp cận bình đẳng cho tất cả mọi người đã trở thành mô hình cho tất cả các nhóm người thiểu số khác, cho cả phụ nữ và những người khuyết tật.

Người Mỹ gốc Mỹ La-tinh thường học ở những trường nghèo, phân biệt chủng tộc. Trên thực tế, một phán quyết của tòa năm 1947 mà ít người biết đến đã chấm dứt tình trạng phân biệt chủng tộc như vậy ở các trường học cho học sinh gốc Mỹ La-tinh ở bang California.



*Các học sinh đang làm thí nghiệm trong giờ sinh học. (© Bob Daemmrich/PhotoEdit)*

Tuy nhiên, vấn đề ngôn ngữ vẫn còn đó: liệu để các học sinh này học các chương trình hoàn toàn bằng tiếng Anh hay các lớp song ngữ để họ tiếp tục sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình, cụ thể là tiếng Tây Ban Nha trong khi vẫn học tiếng Anh.

Vấn đề giáo dục song ngữ là một vấn đề đã cũ và phản ánh cuộc tranh luận vẫn tiếp tục diễn ra hiện nay liệu Hoa Kỳ nên được coi là "nồi hầm nhừ", coi trọng bản sắc chung, hay là một "bức tranh ghép" thể hiện các văn hóa và nguồn gốc riêng biệt.

Những người ủng hộ giáo dục song ngữ lập luận rằng học sinh có thể phát triển về học thuật bằng tiếng mẹ đẻ và chuyển sang các lớp học thông thường khi đã học tiếng Anh. Những người ủng hộ đơn ngữ là tiếng Anh lại cho rằng cách tiếp cận song ngữ chỉ làm chậm khả năng nắm vững tiếng Anh và khiến học sinh không thể hòa vào dòng văn hóa chung.

Nhiều địa phương đã áp dụng cách tiếp cận song ngữ trong thập niên 1960 và 1970, nhưng đã lắng xuống vì thiếu vốn. Trong những năm gần đây, mô hình tiêu biểu là coi học sinh là những “người học tiếng Anh” và sắp xếp các em trong các lớp học thông thường với sự hỗ trợ của các chuyên gia dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Theo Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, có khoảng 3,7 triệu, tức 8% tổng số học sinh, được học tiếng Anh đặc biệt như vậy.

### **Phụ nữ và Điều IX**

Phong trào đấu tranh vì quyền bình đẳng của phụ nữ tập trung chủ yếu ở các trường đại học. Kết quả là Điều IX, phần sửa đổi bổ sung được thông qua năm 1972 của Đạo luật Giáo dục Đại học, theo đó việc phân biệt đối xử vì lý do giới tính trong giáo dục đại học là hành vi bị cấm. Nhờ đó, tỷ lệ phụ nữ theo học trong các chương trình vốn truyền thống chỉ dành cho nam giới như y, luật và cơ khí đã tăng lên nhanh chóng.

Tuy nhiên, cuộc tranh luận gay gắt nhất về Điều IX lại liên quan đến vận động viên điền kinh và liệu luật có làm tổn hại một cách bất công tới các chương trình thể thao nam ở các trường đại học. Vấn đề này đã trở thành cuộc tranh luận nóng bỏng trong giới thể thao và chính trị. Những người ủng hộ viện dẫn tác động sâu sắc của Điều IX trong việc mở ra những cơ hội về học tập và thể thao cho các bé gái và phụ nữ. Những người phản đối thì cho rằng luật chỉ là hệ thống hạn ngạch làm tổn hại tới lợi ích của cả phụ nữ và nam giới.



*Các học sinh trường Acoma Pueblo ở New Mexico đang học tiếng Anh. (© Bob Daemrich/PhotoEdit)*

## **Trào lưu chính**

Những người vận động chính sách ủng hộ học sinh khuyết tật và “có nhu cầu đặc biệt” cũng đã phát huy mô hình của phong trào dân quyền để kêu gọi mở rộng thêm cánh cửa cho các học sinh như vậy trong các lớp học và hoạt động thông thường ở trường học hay còn gọi là quá trình “hòa nhập”. Họ lập luận rằng các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc sắp xếp các học sinh thiếu năng trí tuệ và vận động trong các lớp học thông thường ít nhất là vào một khoảng thời gian nhất định trong ngày cũng nâng cao kết quả học tập, sự tự tin và các kỹ năng xã hội.

Đạo luật Giáo dục cho người khuyết tật ban hành năm 1975 đã quy định tất cả mọi trẻ em khuyết tật đều được hưởng lợi từ “giáo dục công miễn phí phù hợp”. Luật yêu cầu các trường xây dựng kế hoạch giáo dục riêng cho từng trẻ em khuyết tật và sắp xếp các học sinh đó vào môi trường lớp học ít có rào cản nhất.

Luật đã giành được sự ủng hộ rộng rãi, mặc dù chi phí thực hiện đã tăng lên nhanh chóng. Chi tiêu nói chung cho giáo dục công trong những năm gần đây tăng lên phần nhiều là do các chi phí liên quan tới việc cung cấp giáo dục để tiếp cận và bình đẳng cho trẻ em và vị thành niên bị thiếu năng trí tuệ và vận động.

Theo các con số thống kê gần đây, các trường công ở Hoa Kỳ hiện đang đào tạo khoảng 6,1 triệu trẻ em có nhu cầu đặc biệt. Thiếu năng học tập phổ biến là thiếu năng ngôn ngữ và phát âm, nhưng nhu cầu đặc biệt ở đây còn bao gồm các khuyết tật do chậm phát triển trí tuệ, rối loạn tâm lý hoặc các khó khăn về thể chất.

## **Các trường học dành cho người Mỹ bản địa**

Một trong số ít các ngoại lệ đối với việc tham gia trực tiếp của Chính phủ Liên bang trong giáo dục liên quan tới người Mỹ bản địa. Việc quản lý các trường học dành cho người da đỏ của liên bang phản ánh mối quan hệ đặc biệt giữa chính phủ và các bộ lạc có chủ quyền riêng trong cộng đồng thổ dân da đỏ và các dân tộc thiểu số Alaska vốn đã được quy định trong luật và trong các thỏa thuận.

Thổ dân da đỏ lần đầu tiên được tiếp cận giáo dục chính thống thông thường là nhờ các nhà truyền giáo và các trường dòng. Ở các trường dòng, người ta ít chú trọng tới giảng dạy khoa học mà tập trung vào

giảng dạy và được Âu hóa về phong cách và trang phục. Khi biên giới được mở rộng về phía Tây trong thế kỷ 19, nhiều trường học do các nhà thờ điều hành dần dần đã được thay thế bằng các trường học do Ủy ban các vấn đề của người da đỏ của Chính phủ Liên bang quản lý.

Chính sách của các trường học đó là hòa nhập người Mỹ bản địa vào dòng chảy chung bằng cách buộc họ phải từ bỏ văn hóa bộ lạc của mình. Nhiều thổ dân da đỏ được đào tạo trong các trường nội trú, thường rất xa nhà, nơi họ bị cắt tóc, mặc âu phục thay trang phục truyền thống và bị cấm nói tiếng mẹ đẻ. Nổi tiếng nhất trong số các trường nội trú như vậy là trường Carlisle ở Pennsylvania.



*Học sinh đang cùng nhau giải toán ở Tesuque, New Mexico.  
(© Mary Kate Denny/PhotoEdit)*

Một báo cáo năm 1928 đã chỉ rõ những thất bại và lạm dụng trong giáo dục thổ dân da đỏ và nhờ vậy đã dẫn tới các cuộc cải cách và tăng trợ cấp tài chính, thường được gọi là Chính sách mới dành cho người da đỏ. Sau đó, phong trào dân quyền đã nổ ra cùng với phong trào đấu tranh vì quyền của người da đỏ. Trong nhiều thập niên, Chính phủ Liên bang đã thay đổi chính sách và xây dựng hệ thống giáo dục cung cấp các kỹ năng hiện đại và tri thức trong khi vẫn bảo tồn truyền thống và văn hóa của các người Mỹ bản địa.

Hiện nay, Ủy ban Giáo dục thổ dân da đỏ quản lý 184 trường tiểu học và trung học cùng 24 trường đại học. Các trường này nằm ở 23 tiểu bang khắp nước Mỹ, phục vụ khoảng 60.000 học sinh-sinh viên, đại diện cho 238 bộ tộc khác nhau.

# PHẤN ĐẤU VÌ SỰ ƯU VIỆT TRONG GIÁO DỤC

Phong trào phấn đấu vì điều mà đôi khi được gọi là “sự ưu việt trong giáo dục” diễn ra dưới nhiều hình thức. Một loạt thay đổi nhấn mạnh việc giảng dạy các môn học chính gồm toán học, khoa học, lịch sử và ngôn ngữ (đọc, viết và văn học). Hầu hết các trường tiểu học và trung học cơ sở đều xây dựng các chương trình học vượt cấp dành cho học sinh có kết quả học tập cao.

## **AP và IB**

Các học sinh trung học Mỹ muốn có kết quả học tập xuất sắc có thể tham gia hai chương trình phổ biến nhất hiện nay được biết tới với những cái tên viết tắt: AP tức là các kỳ thi vượt cấp, còn IB là Chương trình học bằng Tú tài Quốc tế. AP và IB khác nhau ở một số điểm nhưng cả hai đều đòi hỏi học sinh phải tham dự các khóa học yêu cầu cao, giúp họ đạt được kết quả cao hơn trong học tập tại trường đại học.

AP được xây dựng năm 1955, do Hiệp hội các trường đại học Mỹ điều hành. Hiệp hội này gồm 5.200 trường trung học, đại học và các tổ chức giáo dục khác. Thông qua AP, Hiệp hội xây dựng các khóa học cấp đại học với yêu cầu cao, với hơn 30 môn mà học sinh có thể



*Lớp đào tạo giáo viên tại Los Angeles. (© Michael Newman/  
PhotoEdit)*

theo học khi đang học trung học. Học sinh tham gia AP đạt đủ tín chỉ để vào học tại các trường đại học ở Mỹ và hơn 40 quốc gia khác với điều kiện là các bài thi AP trong thời gian học trung học (lớp 11 và 12) phải đạt mức điểm yêu cầu.

Theo Bộ Giáo dục Mỹ, hơn 60% các trường trung học Mỹ có các khóa học AP. Các bài thi phổ biến nhất gồm tính toán, văn học Anh và lịch sử. Năm 2006, hơn 24% học sinh trung học Mỹ tham gia các kỳ thi của AP, tăng lên so với 16% vào năm 2000.

Chương trình học bằng Tú tài Quốc tế (IB) do Tổ chức Tú tài Quốc tế (IBO) tại Thụy Sĩ điều hành với mục tiêu xây dựng một chương trình giảng dạy chung và hệ thống tín chỉ được các trường đại học và cao đẳng ở các quốc gia khác công nhận.

Tổ chức Tú tài Quốc tế gồm hơn 2.000 trường ở 125 quốc gia, trong đó gần 800 trường ở Mỹ. Học sinh phải theo một chương trình học tập rất nghiêm ngặt gồm 6 môn: tiếng Anh, ngoại ngữ, khoa học, toán học, khoa học xã hội và nghệ thuật. Học sinh còn phải dành 200 giờ phục vụ cộng đồng và viết một bài luận 4.000 từ dựa trên nghiên cứu độc lập.



*Ở Los Angeles, học sử dụng vi tính trong một lớp học dành cho người lớn. (© Michael Newman/PhotoEdit)*

## **Đánh giá giáo viên**

Số lượng và trình độ của giáo viên là chủ đề của cuộc tranh luận không có hồi kết, mặc dù một số chuyên gia đã chỉ ra rằng vấn đề giáo viên bỏ nghề là vấn đề phức tạp hơn việc thiếu giáo viên trên thực tế.

Trong những năm gần đây, một chỉ số cho thấy sự cần thiết phải đạt các tiêu chuẩn cao hơn chính là tỉ lệ học sinh trên một giáo viên. Tỉ lệ thấp hơn có nghĩa là giáo viên dành được nhiều thời gian hơn cho từng học sinh. Theo Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, trong giai đoạn 1980–2001, tỉ lệ học sinh–giáo viên tại các trường tiểu học và trung học cơ sở giảm từ 18,6 xuống 15,8 học sinh/giáo viên. Tỉ lệ này phản ánh phần nào gia tăng số lượng giáo viên đặc biệt giảng dạy cho trẻ em khuyết tật hoặc dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, và số số trong lớp học tại các trường công thường là 20.



Những con số gần đây cũng cho thấy hơn 90% giáo viên tại tất cả các trường công được đánh giá là “có trình độ cao”, tức là có kinh nghiệm và được chứng nhận giảng dạy chuyên môn của họ. Tuy nhiên, cũng những con số này lại cho thấy khoảng cách xã hội và kinh tế phổ biến, tức là các trường giàu có hơn có nhiều giáo viên có trình độ hơn, còn ở các trường thiếu số và những trường nghèo hơn, số giáo viên có trình độ cao lại ít hơn.

Một quan chức của Bộ Giáo dục Mỹ khi trả lời phỏng vấn của tờ *USA Today* (Nước Mỹ ngày nay) đã nói: “Mặc dù tổng số giáo viên đạt chuẩn là cao nhưng ở nhiều nơi học sinh vẫn đang do các giáo viên có trình độ thấp giảng dạy”.

Mặc dù các trường địa phương có sự linh hoạt đáng kể trong việc xây dựng chương trình giảng dạy, nhưng việc đào tạo giáo viên có vẻ lại đi ngược lại xu thế đó. Các bang có những quy định khác nhau về việc cấp giấy chứng nhận, tuy nhiên tất cả lại công nhận các khóa học và bằng cấp của cùng một trường, bất chấp trường đó ở đâu. Kết quả là hầu hết giáo viên, được đào tạo và công nhận như nhau, đều dạy những môn học chính theo cách thức và trình tự giống nhau trên toàn quốc.

Sách giáo khoa là sự đầu tư đáng kể của các nhà xuất bản họ vì muốn đảm bảo rằng sản phẩm của mình được chấp thuận và được các sở giáo dục của các bang và địa phương càng mua nhiều càng tốt. Hệ quả là hai bang có hệ thống trường học lớn nhất cả nước là Texas và California có ảnh hưởng lớn tới nội dung sách giáo khoa và việc xuất bản.



Sinh viên đang nghe giảng tại đại học Merritt ở Oakland, bang California. (©Ralph Epstein/PhotoEdit)



## **Máy tính và giáo dục**

Tại các trường ở Mỹ, ngay từ cấp tiểu học, máy tính và Internet đã trở nên vô cùng phổ biến. Con số mới đây cho thấy 100% các trường công đều có Internet, còn các trường tiểu học và trung học cơ sở sở hữu hơn 14 triệu máy tính cá nhân, tức là khoảng 4 học sinh/ máy.

Khoảng cách kỹ thuật số được thu hẹp tại trường học, nhưng tại các gia đình đây vẫn một vấn đề. Theo Bộ Giáo dục, học sinh thuộc các nhóm thiểu số và học sinh nghèo thường không có máy tính và Internet ở nhà.

Các trang web hướng về trường học như Blackboard.com đã trở thành một phương tiện thông dụng để đăng tải các bài tập về nhà và thời khóa biểu. Cùng với thư điện tử, những trang web này đã trở thành một phương tiện liên lạc trực tiếp mà các bậc phụ huynh và giáo viên rất thích. Khi số dân được truy cập Internet gia tăng, thì giáo dục từ xa và giáo dục trực tuyến cũng tăng lên. Theo Hiệp hội Sloan, một tổ chức có mục tiêu phát triển giáo dục trực tuyến, trong năm học 2006–2007 khoảng 3.5 triệu hoặc 20% tất cả sinh viên đại học đều tham gia một hoặc nhiều khóa học trực tuyến – tăng khoảng 10% so với năm trước. Khoảng nửa số sinh viên học trực tuyến được tuyển vào các trường đại học cộng đồng, với các chuyên ngành phổ biến nhất là quản trị doanh nghiệp, vi tính, kỹ thuật và các chương trình giảng dạy liên quan đến ngành y.

# NHỮNG THÁCH THỨC TRONG CẢI CÁCH TRƯỜNG HỌC

Người Mỹ thường tranh luận về chất lượng và định hướng của hệ thống giáo dục. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tiêu điểm của cuộc tranh luận là làm thế nào để đánh giá và nâng cao kết quả học tập một cách tốt nhất. Việc so sánh sinh viên Mỹ với sinh viên ở những nước khác cũng làm cuộc tranh luận về phương pháp giảng dạy và kết quả học tập trở nên gay gắt hơn, đặc biệt là những so sánh cho thấy các trường của Mỹ kém hơn về khoa học và toán học.

## Những cải cách cấp tiến

Những người đi tiên phong trong công cuộc cải tổ cố gắng xây dựng các tiêu chuẩn đồng bộ, đào tạo giáo viên, hoặc củng cố các trường theo hướng nhấn mạnh hiệu quả. Nói cách khác là biến giáo dục thành một nghề.

Tổng hợp những nỗ lực này đã trở thành Phong trào vì sự tiến bộ vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, khi các nhà giáo dục như John Dewey kêu gọi cải tổ cơ bản những gì được dạy ở trường và cách vận hành của các trường. Dewey và những người ủng hộ ông kêu gọi giáo viên phải được độc lập hơn nữa trên lớp học, nhấn mạnh học tập thông qua thực hành hơn là học gạo và buộc học sinh phải tự duy độc lập.

Tuy nhiên phương pháp "lấy học sinh làm trọng tâm" của Dewey ngay lập tức bị thách thức bởi những người muốn dùng các phương pháp khoa học xã hội mới để tăng hiệu quả và muốn theo hình thức phân ban tức là phân học sinh thành những nhóm khác nhau, những em muốn học lên đại học và những em muốn làm lao động chân



*Nghiên cứu một thí nghiệm vật lý tại trường trung học ở Hidalgo, bang Texas (© Bob Daemmerich/PhotoEdit)*

tay. Cải cách cấp tiến cũng đã bị hiểu sai nhiều vì phương pháp lấy học sinh làm trọng tâm bị coi là thiếu các chuẩn mực giáo dục.

### **Đất nước lâm nguy**

Làn sóng chỉ trích phương pháp giảng dạy mới hoặc tiến bộ lại nổi lên vào những năm 1950, khi cuộc tranh luận về phương pháp hiệu quả nhất trong giảng dạy kỹ năng ngôn ngữ cho trẻ đã tạo ra những câu chuyện "Tại sao Johnny không biết đọc". (Hai thập kỷ sau, một cuộc tranh luận tương tự đã tạo ra câu chuyện "Tại sao Johnny không biết viết").

Sự kiện Liên Xô phóng tên lửa Sputnik năm 1957 tạo ra những mối lo ngại tương tự khiến người ta chú trọng đến môn khoa học và toán học trong kỷ nguyên xung đột Chiến tranh lạnh và cuộc đua vào vũ trụ giữa Mỹ và Liên Xô.

Năm 1983, một báo cáo rất có ảnh hưởng với tiêu đề *Đất nước Lâm nguy* khẳng định sự đi xuống trong tiêu chuẩn giáo dục đã đe dọa vị trí của Mỹ trong một thế giới ngày càng cạnh tranh và kêu gọi phải đầu tư hơn nữa các nguồn lực và có những quy định ngặt nghèo hơn nữa trong giáo dục.

Phản ứng trước báo cáo này là chủ trương kéo dài ngày ngày và năm học và nhấn mạnh hơn việc giảng dạy các môn cơ bản. Tuy nhiên, các kết luận của báo cáo cũng rất đáng tranh cãi. Nhà sử học Carl Kaestle trong cuốn sách *Nhà trường* cho rằng: "Việc khẳng định có sự giảm sút trong tiêu chuẩn giáo dục là không đúng sự thật. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng chúng ta đang đào tạo số lượng học sinh lớn hơn rất nhiều so với những năm 1950".



*Dùng kính hiển vi để quan sát vi khuẩn trong nước hồ tại phòng thí nghiệm của một trường trung học ở Donna, bang Texas. (© Bob Daemmrlich/PhotoEdit)*

### **Trường bán công và sự cạnh tranh**

Nhiều chương trình cải cách trường học mới đây nhằm vào hệ thống trường công và muốn hệ thống này phải cạnh tranh hơn nữa. Ví dụ,

trường bán công là hình thức trường công vận hành độc lập, phải đáp ứng được các yêu cầu giáo dục và pháp lý giống với các trường công truyền thống, nhưng không phải chịu những quy định về quản lý như các trường công. Ở Mỹ hiện có khoảng 2.000 trường bán công.

Một biện pháp nữa nhằm giải quyết mối quan ngại về tiêu chuẩn giáo dục và sự cạnh tranh quốc tế là thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp và các trường. Trong một số trường hợp, các trường địa phương cố gắng phấn đấu đạt hiệu quả và có được cơ cấu tổ chức theo mô hình tập đoàn bằng cách xây dựng các tiêu chuẩn và định ra những mục tiêu có thể đánh giá được và buộc các nhà quản lý và giáo viên phải có trách nhiệm về kết quả.

Để tăng cường tính trách nhiệm, nhiều bang đã thông qua luật cho phép đóng cửa các trường công không đạt chất lượng hoặc chất lượng thấp. Mặc dù cho đến nay ít có trường nào bị lâm vào tình trạng đó, song nếu điều đó xảy ra, các trường có thể tái tổ chức bằng việc xây dựng đội ngũ giáo viên và nhân viên mới hoặc chuyển sang hình thức bán công. Các gia đình có con em học tại các trường không đạt chất lượng có cơ hội được chuyển con em sang học tại các trường có chất lượng cao hơn.

Chương trình hỗ trợ học phí là một cải tiến gây nhiều tranh cãi. Theo chương trình này, phụ huynh có thể cho con cái bỏ các trường công không đạt chất lượng hoặc chất lượng thấp và nhận được khoản hỗ trợ để thanh toán tất cả hoặc một phần học phí để học tại các trường tư. Khoản trợ cấp này thường được tính toán dựa



*Các bàn học đa chức năng tại một trường bán công ở New Orleans, bang Louisiana. (Cheryl Gerber/AP Images)*

trên mức chi tiêu của mỗi học sinh trong cộng đồng. Ý tưởng của chương trình này là nếu các trường phải cạnh tranh để thu hút học sinh, chắc chắn chất lượng của họ sẽ được cải thiện. Tuy nhiên, tranh cãi về việc sử dụng tiền thuế để hỗ trợ các trường tư và các trường tôn giáo trở nên gay gắt, do vậy ít có cộng đồng nào thực hiện đầy đủ chương trình hỗ trợ học phí này.

## **Tư nhân hóa**

Con số ước tính cho thấy các công ty tư nhân, hoạt động vì lợi nhuận hiện đang điều hành 10% số trường bán công trên cả nước. Một trong những công ty lớn nhất là hệ thống trường Edison được thành lập năm 1992. Công ty này điều hành các trường công ở 19 bang và thủ đô Washington D.C., đồng thời hợp tác với các trường công nhằm xây dựng các "học viện giáo dục" và cung cấp các dịch vụ khác.

Các hiệp hội trường công truyền thống như Hiệp hội Giáo dục Quốc gia phản đối tư nhân hóa vì cho rằng có sự xung đột cố hữu giữa nhu cầu về lợi nhuận của các công ty tư nhân và nhu cầu học tập của học sinh. Các công ty như Edison cho rằng cạnh tranh có thể giúp cải thiện chất lượng của cả trường công lẫn trường tư, từ đó làm lợi cho "các khách hàng" - tức là học sinh - như ở bất cứ một thị trường nào. Cả hai đều dẫn chứng những nghiên cứu bên ngoài ủng hộ cho lập luận của họ. Những người ủng hộ trường công trích dẫn các báo cáo trong những năm 1990 rằng các sinh viên Edison không có nhiều lợi thế và các trường của Edison chỉ công khai hóa những kết quả có lợi cho họ. Tuy nhiên, một nghiên cứu của Tập đoàn RAND năm 2000 lại kết luận rằng "kết quả học tập của sinh viên tại các trường Edison bằng hoặc cao hơn kết quả của sinh viên ở các trường công tương đương".

## **Cải tổ giáo dục phổ thông**

Một phong trào cải cách giáo dục nữa do Quỹ Bill và Melinda Gates đi tiên phong thực hiện lại có cách tiếp cận khác về cải cách giáo dục, đó là xem lại cơ bản các trường trung học. Bill Gates, người sáng lập tập đoàn Microsoft nói: "Các trường trung học của chúng ta được xây dựng từ 50 năm trước để đáp ứng nhu cầu của một kỷ nguyên khác".

Trong 5 năm qua, quỹ này đã tài trợ xây dựng các trường điển hình chất lượng cao trong đó học sinh theo các chương trình học tập rất khắt khe. Các trường này thiết kế các khóa học phù hợp với cuộc sống và kỳ vọng của học sinh, đồng thời thúc đẩy mối quan hệ chặt chẽ giữa học sinh và người lớn”.

Nỗ lực tái xây dựng các trường của Quỹ Gates cũng nhấn mạnh phương châm ‘nhỏ là tốt’. Theo một báo cáo của Quỹ: “tất cả những cái khác cũng bình đẳng. Học sinh ở các trường quy mô nhỏ đạt điểm thi cao hơn, hoàn thành nhiều khóa học hơn và tiếp tục học lên đại học nhiều hơn so với các trường lớn. Tuy nhiên, có vẻ là những học sinh xuất thân từ các gia đình có thu nhập thấp và học sinh da màu là những người đạt được những kết quả cao nhất”.

### **Không để trẻ em nào bị tụt lại đằng sau**

Thay đổi lớn nhất về vai trò của liên bang trong giáo dục kể từ khi Đạo luật giáo dục tiểu học và trung học cơ sở ra đời năm 1965 là luật Không để trẻ em nào bị tụt lại đằng sau (NCLB) mà chính quyền Bush đưa ra năm 2001. Luật NCLB yêu cầu các bang định ra tiêu chuẩn về kết quả học tập đối với từng cấp học khác nhau và có những bước đi nhằm cải thiện chất lượng của những học sinh không đáp ứng những tiêu chuẩn này.

Luật NCLB ủy quyền cho các bang xác định mục tiêu về kết quả học tập mà trẻ em phải đạt về mức độ đọc hiểu và làm toán từ lớp 3 đến lớp 8 và được kiểm định bằng các bài thi được chuẩn hóa. Những biện pháp kiểm định chất lượng các trường này và các biện pháp khác sau đó được thu thập và đưa vào báo cáo hàng năm của bang.

Mặc dù hệ thống các trường ở các bang và địa phương có sự linh hoạt đáng kể trong việc cải thiện chất lượng của mình, nhưng luật quy định học sinh được chuyển khỏi các trường không đạt chất lượng và các trường này không được nhận các khoản hỗ trợ. Phụ huynh



*Học sinh lớp hai tại các trường bán công ở Bensalem, bang Pennsylvania. (Dan Loh/AP Images)*

có con em học tại các trường không đủ chất lượng có thể chuyển con em sang các trường công khác hoặc các trường bán công. Họ cũng đủ điều kiện để được tư vấn và cung cấp các dịch vụ đặc biệt khác.

Theo một báo cáo năm 2004 của Ủy ban Giáo dục các bang, Luật NCBL đã tạo ra những phản ứng khác nhau từ ủng hộ mạnh mẽ tới hoài nghi và phản đối thẳng thừng. Những người ủng hộ cho rằng việc xây dựng và quy định trên phạm vi toàn quốc về các chuẩn mực, vấn đề thi cử và trách nhiệm là điều thiết yếu để xây dựng và duy trì các trường chất lượng cao, hiệu quả trong một nền kinh tế toàn cầu cạnh tranh gay gắt. Các nhóm khác, ví dụ như Hiệp hội Giáo viên Mỹ và Hiệp hội Giáo dục Quốc gia đã bày tỏ quan ngại mạnh mẽ về cách thức luật này phân biệt các trường hiệu quả và không hiệu quả khi mà học sinh khác nhau rất nhiều về xuất thân, thu nhập, và khả năng tiếng Anh. Phụ huynh thì chỉ ra rằng các trường đã bỏ dạy các môn nghệ thuật hoặc bỏ các hoạt động làm phong phú thêm kiến thức để tập trung vào giảng dạy "nhằm mục đích phục vụ thi cử" và tránh không bị liệt vào các trường không đạt chất lượng.

Jason Kamras, người đạt danh hiệu nhà giáo của năm 2005 nói: "Điểm tích cực nhất của Luật NCLB là nó đã thể chế hóa những kỳ vọng của trẻ em Mỹ. Từ quan điểm dài hạn hơn, Luật NCBL chỉ là bước mới nhất trong cuộc tranh luận lâu dài về sự cân bằng giữa nhu cầu học tập và chất lượng học tập trong nền giáo dục Mỹ mà thôi".



*Người giành học bổng Toyota đang mỉm cười, San Marcos, bang Texas. (© Bob Daemmrigh/PhotoEdit)*

## DIỆN MẠO ĐANG THAY ĐỔI CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ở Mỹ tỉ lệ thanh niên học đại học nhiều hơn ở bất kỳ nước nào khác. Những sinh viên này còn có thể chọn vào học trong số hơn 4.000 cơ sở khác nhau. Họ có thể vào học tại các trường cao đẳng cộng đồng hệ hai năm hoặc vào học tại các trường đào tạo kỹ thuật chuyên sâu hơn. Các cơ sở đào tạo hệ 4 năm truyền thống có nhiều loại, từ những trường nhỏ đào tạo khoa học tự nhiên và xã hội tới các trường đại học tổng hợp lớn ở các bang như California, Arizona, Ohio và New York, mỗi trường đều có nhiều cơ sở khác nhau và số sinh viên thường là hơn 30.000 người. Khoảng 1/3 các trường cao đẳng và đại học ở Mỹ là trường tư và nhìn chung học phí cao hơn khá nhiều so với các trường công lập ở các bang.

### **Đạo luật hỗ trợ cựu chiến binh học đại học**

Trong phần lớn lịch sử của mình, các cơ sở giáo dục đại học Mỹ luôn duy trì chính sách ưu đãi chủ yếu đối với nam giới người da trắng. Chính sách đó chỉ thay đổi đáng kể khi Đạo luật hỗ trợ cựu chiến binh học đại học được thông qua năm 1944, theo đó Chính phủ Liên bang trả tiền học đại học cho hàng triệu cựu chiến binh trong Chiến tranh Thế giới Thứ hai (G.I. – viết tắt của “vấn đề mà chính phủ quan tâm” – đã trở thành thuật ngữ gắn với mọi người lính trong quân đội trong



*Lớp học có rất nhiều cựu chiến binh những năm 1950 tại trường Đại học Bắc Carolina (Ảnh chụp với sự cho phép của Văn phòng các dịch vụ thông tin, số 0007433, Trung tâm Nghiên cứu các bộ sưu tập đặc biệt, Thư viện trường đại học Bắc Carolina.)*



Chiến tranh Thế giới Thứ hai.)

Đạo luật G.I. bao gồm các khoản trợ cấp khi vào học tại bất cứ cơ sở giáo dục đại học nào được công nhận, cùng các khoản chi trả cho đào tạo phổ thông và trợ cấp để khuyến khích mua nhà. Quốc hội không cho rằng sẽ có nhiều người tận dụng ưu đãi từ những điều khoản của luật này.

Tuy nhiên, chỉ trong hai năm đã có hơn 1 triệu cựu chiến binh nhập học tại các trường cao đẳng và đại học

trên cả nước, làm tăng gấp đôi số sinh viên đại học. Trong 7 năm, Đạo luật G.I. đã tạo điều kiện cho hơn 2,2 triệu cựu chiến binh học đại học. Tác động xã hội của Đạo luật G.I. giống như một cuộc cách mạng. Như học giả Milton Greenberg chỉ ra: "Ngày nay, các trường đại học ở Mỹ chủ yếu là các trường công lập, tập trung vào đào tạo nghề, kỹ thuật và các ngành khoa học, đều là các trường lớn, có xu hướng tập trung ở đô thị và rất dân chủ".

Trong những thập kỷ sau đó, các trường cao đẳng và đại học phát triển rất nhanh, và khi con em họ cũng nối gót cha ông, kết quả là đã tạo ra thời kỳ bùng nổ thể hệ trẻ vào đại học trong những năm 1960.

Các trường cao đẳng và đại học cũng bắt đầu mở cửa cho người thiểu số và phụ nữ vào học. Theo Trung tâm Thống kê Giáo dục trong những năm gần đây, số lượng nữ sinh học cao đẳng và đại học nhiều hơn nam sinh, và họ cũng đạt nhiều bằng cử nhân và cao học hơn. Xu hướng này không có dấu hiệu thay đổi.

Tỉ lệ sinh viên là người thiểu số học đại học cũng gia tăng – từ 14% năm 1981 lên 27% năm 2005. Phần lớn thay đổi này là do gia tăng số sinh viên người Mỹ gốc Á và gốc Mỹ La-tinh. Sinh viên người Mỹ gốc Phi cũng tăng từ 9% lên 12% trong cùng thời kỳ.



*Những công dân có trách nhiệm tìm hiểu về "Nền Dân chủ Hành động" tại Trường Trung học Hiến pháp, bang Philadelphia. (Barbara J. Perenic/The Laramie Boomerang/AP Images)*

## **Chi phí và cạnh tranh**

Giáo dục đại học ở Mỹ là một lĩnh vực chi phí khổng lồ, khoảng 373 tỉ đô-la và chiếm gần 3% GDP. Chi phí đối với sinh viên đại học có thể rất cao, đặc biệt ở các trường tư không được nhận trợ cấp từ chính phủ bang hoặc liên bang. Để đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng cho mọi người, Hoa Kỳ điều hành một chương trình hỗ trợ tài chính rộng mở cho sinh viên. Cứ 7 trong 10 sinh viên đều nhận được hình thức hỗ trợ tài chính nào đó, thường gồm học bổng, các khoản vay và cơ hội việc làm để sinh viên chính quy đáp ứng được chi phí sinh hoạt và học phí.

Gần đây, một số trường đại học giàu nhất và nổi tiếng nhất cả nước như Harvard, Princeton, Yale, Columbia và Dartmouth và các trường khác đều thông báo các kế hoạch gia tăng đáng kể hỗ trợ tài chính cho các gia đình có thu nhập thấp và trung bình. Sinh viên cạnh tranh để được vào học tại các trường cao đẳng và đại học tốt hơn. Đồng thời, các cơ sở giáo dục đại học ở Mỹ thuộc mọi hình thức cũng phải cạnh tranh để có được những sinh viên giỏi nhất và tiếp nhận đủ số sinh viên để duy trì việc tuyển sinh. Những trường đại học danh tiếng nhất ở Mỹ – cả trường công lẫn trường tư – tiếp nhận hàng trăm đơn xin học cho mỗi kỳ tuyển sinh. Đồng thời, hầu hết học sinh các trường trung học cơ sở tốt nghiệp và đạt điểm cao trong các kỳ thi vào đại học nhận được hàng trăm đề nghị tiếp nhận từ các cơ sở giáo dục đại học.

Phản ánh đặc trưng phi tập trung hóa trong nền giáo dục Mỹ, các chính quyền bang có thể cấp phép cho các cơ sở đào tạo đại học, tuy nhiên uy tín của các cơ sở đó – tức là vị trí học thuật của các trường đó – lại do các hiệp hội phi chính phủ đánh giá, chứ không phải do các bang hay Chính phủ Liên bang.

## **Cao đẳng cộng đồng**

Đối với học sinh tốt nghiệp trung học với kết quả trung bình và không có khả năng tài chính, thì việc vào học tại một trường cao đẳng cộng đồng có thể là một lựa chọn tốt hơn là vào học tại một trường đại học 4 năm.

Các chương trình đào tạo hai năm có bằng trong các lĩnh vực ngày càng phát triển như y tế, kinh doanh và công nghệ tin học được giảng dạy ở hầu hết 1.200 trường cao đẳng cộng đồng trên cả nước.

Các trường cao đẳng cộng đồng còn là cửa ngõ để bước vào các trường đại học hệ 4 năm đối với những sinh viên cần nâng cao kết quả học tập trung bình ở phổ thông bằng các tín chỉ đại học chất lượng hơn. Tận dụng lợi thế học phí thấp và chính sách tuyển sinh tự do, hơn 11 triệu sinh viên Mỹ và khoảng 100.000 sinh viên quốc tế đang theo học tại các trường cao đẳng cộng đồng.

### **Các trường cao đẳng, đại học dành cho người da đen**

Hầu hết các trường cao đẳng và đại học trước đây chỉ dành cho người da đen được thành lập khi chế độ nô lệ và tình trạng phân biệt chủng tộc ngự trị ở miền Nam, và ở những nơi khác khi giáo dục đại học dành cho người Mỹ gốc Phi chưa được quan tâm. Mặc dù trường đại học đầu tiên dành cho người Mỹ gốc Phi – nay là Đại học Cheney ở Pennsylvania – được thành lập năm 1837, nhiều trường dành cho người da đen nổi tiếng nhất hiện nay được thành lập ngay sau Nội chiến, trong đó có Đại học Fisk ở Nashville, bang Tennessee; Đại học Howard ở thủ đô Washington, D.C.; và Đại học Morehouse ở Atlanta, bang Georgia.



*Các nữ sinh viên y tá tại Đại học Hampton, một trong những trường cao đẳng và đại học trước đây chỉ dành cho những người da đen. (Ảnh chụp với sự cho phép của Đại học Hampton)*

Có 19 trường công dành cho người da đen được thành lập sau khi thông qua Đạo luật cấp đất cho các trường năm 1890, trong đó có nhiều trường ở Miền Nam lúc đó vẫn chủ trương ly khai rất mạnh mẽ.

Ngày nay Sáng kiến của Nhà Trắng về xây dựng các trường đại học dành cho người da đen bao gồm 40 trường đại học công lập hệ đào tạo 4 năm, 50 đại học tư nhân hệ 4 năm và 13 trường cộng đồng và trường kinh doanh đào tạo hệ 2 năm.

### **Học tập ở Mỹ**

Từ lâu sinh viên nước ngoài đã là một thành phần quen thuộc và quan trọng trong nền giáo dục đại học Mỹ. Trong năm học 2006–2007, theo ấn phẩm Open Doors, khoảng 583.000 sinh viên quốc tế

đã được tuyển vào rất nhiều trong số 4.000 trường cao đẳng và đại học Mỹ, tăng 3% so với năm trước. Ấn Độ vẫn là quốc gia có số sinh viên học tập ở Mỹ đông nhất, tiếp theo là Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Năm ngành học phổ biến nhất đối với sinh viên quốc tế là kinh doanh và quản lý, kỹ thuật, khoa học tự nhiên và sinh học, khoa học xã hội, toán và vi tính.

Lý do sinh viên quốc tế chọn học tại các trường cao đẳng và đại học Mỹ giống với sinh viên Mỹ đó là vì chất lượng đào tạo, có nhiều lựa chọn trường và các chương trình học không nơi nào sánh kịp, và sự linh hoạt lớn trong việc thiết kế các khóa học và thậm chí là chuyển trường.

Với mức học phí và sinh hoạt phí đa dạng, cộng với cơ hội được hỗ trợ tài chính, sinh viên quốc tế thấy có đủ khả năng để học tập tại Mỹ. Hầu hết các trường lớn đều có các tư vấn viên phục vụ sinh viên quốc tế, và mạng lưới trên toàn cầu các trung tâm tư vấn du học, cùng với hàng loạt ấn phẩm, có thể hướng dẫn sinh viên tiềm năng hoàn thành quá trình xin học đôi khi rất phức tạp từ việc tìm trường, nộp đơn xin học tới khi được một trường đại học Mỹ tiếp nhận.



*Cử nhân trường báo chí tại Đại học Columbia, bang New York.  
(© James Leynse/CORBIS)*

# GIÁO DỤC DÂN CHỦ

Theo lời của Thomas Jefferson, tác giả của bản Tuyên ngôn Độc lập và là tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ "Một dân tộc muốn tự do, dân tộc ấy phải biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác bằng sự hiểu biết của mình".

## Giảng dạy về dân chủ

Công dân có giáo dục – những người nhận thức được giá trị của các quyền tự do cá nhân phải khó khăn lắm mới có được và ý thức được trách nhiệm của người công dân – là nền tảng của dân chủ. Trái với sự chấp nhận thụ động của các xã hội độc tài, mục tiêu của giáo dục dân chủ là sản sinh ra các công dân độc lập và chủ động, quen với những luật lệ và thực tiễn dân chủ.



*Lớp học đọc của học sinh lớp bốn, Thành phố New York. (Kathy Williens/AP Images)*

Học giả nghiên cứu giáo dục Chester Finn đã nói: "Con người ngay khi sinh ra có thể đã mang trong mình nỗi khao khát về quyền tự do cá nhân, nhưng điều đó không có nghĩa là họ đã hiểu được những thiết chế chính trị-xã hội giúp mang lại quyền tự do đó cho bản thân và con em họ... Họ cần phải có hiểu biết và tìm hiểu về những thiết chế đó".

## Bản sắc dân tộc

Các trường học ở Mỹ có thể giảng dạy về các giá trị dân chủ, nhưng họ cũng dạy sinh viên cách để trở thành người Mỹ.

Kể từ khi quốc gia được thành lập, người Mỹ đã nhận thức được rằng nếu thiếu một bản sắc dân tộc chung hoặc thiếu một nền văn hóa cổ đại, thì bản sắc dân tộc của họ sẽ phải dựa trên những nền tảng khác, đó là ý tưởng chung về dân chủ và tự do và trải nghiệm trong quá trình xây dựng một xã hội mang lại cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người.

Đối với hầu hết người Mỹ, cơ sở truyền tải những ý tưởng và trải nghiệm chung này chính là các trường học.

Qua thời gian, giáo dục Mỹ đã trở thành nền giáo dục tự do, phổ quát dành cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, xuất thân hoặc giới tính. Hơn thế nữa, giáo dục được xem là phương tiện cơ bản để thành công trong một xã hội muốn thay thế những đòi hỏi về ưu đãi vốn có thành những đòi hỏi về quyền tự do cá nhân và cơ hội bình đẳng.

Trường học ở Mỹ trong thế kỷ 21 không giống với một vài thập kỷ trước đây, càng không phải các ngôi trường có một lớp học ở thế kỷ trước. Tuy nhiên, vai trò của nền giáo dục Mỹ trong việc gắn kết một dân tộc đang lớn mạnh và đa dạng vẫn tiếp tục, truyền bá những giá trị tự do lâu bền và phẩm giá con người từ thế hệ này sang thế hệ khác.



**Trung tâm Hoa Kỳ**

Phòng Thông tin-Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ

---

Tầng 1, Rose Garden Tower, 170 Ngọc Khánh, Hà Nội  
Tel: (04) 3850-5000; Fax: (04) 3850-5048; Email: HanoiAC@state.gov  
<http://vietnam.usembassy.gov>